

Bản án số: 75/2018/HS-ST.
Ngày 28/8/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:**
Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2018/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Thị Ngọc H**; Sinh năm: 1994 tại tỉnh B

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh B; Số chứng minh nhân dân 285381xxx; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1970 và bà Dương Thị Kiều V, sinh năm 1973; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị **tạm giam** từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 cho đến nay. (Có mặt)

- **Người bị hại:**

1. Vợ chồng anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985 chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994. (Có mặt)

2. **Chị** Trần Thị L; Sinh năm: 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh B

- **Người làm chứng:** **Chị** Trần Thị Thùy T; Sinh năm: 1996. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do là bạn bè quen biết nên khoảng 22 giờ 30 phút ngày 11/12/2017, sau khi đi chơi Huỳnh Thị Ngọc H cùng Trần Thị L đi về nhà của L tại thôn S1, xã T, huyện B, tỉnh B để ngủ.¹

Khi đến nhà, chị L vào phòng cất túi xách rồi đi ra bảo H vào phòng ngủ trước còn L đi ra phòng khách chơi. Khi ở trong phòng H thấy 01 chiếc giỏ xách để ở dưới gầm giường, H lấy mở ra thì thấy 01 chiếc ví (bóp) chứa nhiều tiền nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, H đã lấy trong ví ra số tiền 10.000.000 đồng cất vào trong túi quần và bỏ ví tiền của chị L vào trong giỏ xách và để lại vị trí cũ, sau đó H đi ra ngoài phòng khách ngồi chơi và nói chuyện với chị L, đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 12/12/2017, H và chị L đi ngủ. Sáng hôm sau H đi về nhà trọ của mình tại thị trấn Đ, huyện B và đưa số tiền **5.000.000 đồng** chiếm đoạt được cho Trần Thị Thùy T là bạn của H giữ hộ, số tiền còn lại H đem tiêu xài hết.

Chị L sau khi phát hiện bị mất tài sản đã đến Cơ quan công an trình báo. Đến 16 giờ ngày 12/12/2017, Huỳnh Thị Ngọc H đến Công an huyện Bù Đăng đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên đồng thời giao nộp số tiền 600.000 đồng.

Quá trình điều tra H còn khai nhận: Khoảng 11 giờ trưa ngày 27/5/2017, Huỳnh Thị Ngọc H đi bộ ngang qua nhà của vợ chồng anh Nguyễn Văn S chị Nguyễn Thị N tại thôn Sơn Lợi, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng (nhà anh S gần nhà H) quan sát thấy không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. H đi vào sân nhà anh S rồi trèo qua lỗ hồng bên hông cửa để vào trong nhà, khi vào phòng ngủ, H thấy ở đầu giường có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel N505 màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động hiệu ZTE Blade L5 màu đen nên đã lấy 02 chiếc điện thoại bỏ vào túi quần. H nhìn lên gác lửng phát hiện 01 hộp giấy nên lấy xuống và mở ra thì thấy bên trong có một bọc nylon màu đen chứa tiền có các mệnh giá 500.000 đồng; 200.000 đồng và 50.000 đồng, tổng cộng là 28.000.000 đồng. H lấy toàn bộ số tiền trên nhét vào 2 bên áo ngực rồi cầm luôn cả hộp giấy treo ra đường cũ về nhà. H thay quần áo và lấy xe mô tô đi xuống thị trấn Đ, huyện B. Do 02 điện thoại vừa chiếm đoạt được cài mật khẩu không mở được nên trên đường đi H đã vứt 02 chiếc điện thoại cùng với hộp giấy và bọc nylon, còn số tiền chiếm đoạt được sau đó H đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-ĐG ngày 19/5/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng xác định 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel N505 có giá 1.080.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu ZTE Blade L5 có giá 640.000 đồng. Tổng cộng là 1.720.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên; người bị hại không có ý kiến về tội danh bị cáo bị truy tố. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án: Số tiền 5.600.000 đồng là tài sản của chị Trần Thị L, ngày 15/3/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho chị L; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 của Huỳnh Thị Ngọc H không liên quan đến vụ án, ngày 19/3/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho H; Đối với số tiền 28.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel N505, 01 chiếc điện thoại di động hiệu ZTE Blade L5 màu đen H chiếm đoạt của gia đình anh Nguyễn Văn S; 01 chiếc điện thoại di động Samsung J2 H dùng tiền chiếm đoạt được mua hiện nay H đã tiêu xài

hết và vứt bỏ sau khi sử dụng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng không thu hồi được.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong giai đoạn điều tra Huỳnh Thị Ngọc H đã khắc phục cho chị Trần Thị L số tiền 10.000.000 đồng nhưng chưa khắc phục cho anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N số tiền là 29.720.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 58/CT –VKS.BĐ ngày 16/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H về “Tội trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H phạm “Tội trộm cắp tài sản”; về hình phạt đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 138, điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H từ 18 đến 24 tháng tù. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N số tiền là 29.720.000 đồng. Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại Trần Thị L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị N thống nhất yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền và giá trị 02 chiếc điện thoại bị chiếm đoạt, về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định.

Lời nói sau cùng bị cáo không có yêu cầu và đề nghị gì đối với Hội đồng xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu,

không có người trông coi tài sản nên Huỳnh Thị Ngọc H đã lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại để tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ trưa ngày 27/5/2017, H đi bộ ngang qua nhà của vợ chồng anh Nguyễn Văn S chị Nguyễn Thị N tại thôn Sơn Lợi, xã Thọ Sơn quan sát thấy không có ai ở nhà nên lén lút vào trong nhà chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel N505 màu trắng, 01 chiếc điện thoại di động hiệu ZTE Blade L5 màu đen và số tiền mặt là 28.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh S, chị N là 29.720.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 11/12/2017, Huỳnh Thị Ngọc H cùng Trần Thị L đi về nhà của L tại thôn S1, xã T, huyện B, tỉnh B để ngủ. Khi ở trong phòng ngủ thì H thấy 01 chiếc giỏ xách để ở dưới gầm giường, H lấy mở ra thì thấy 01 chiếc ví (bóp) chứa nhiều tiền nên lén lút chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 39.720.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H đã phạm vào “Tội trộm cắp tài sản”, quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại và khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Sau khi phạm tội bị cáo đã ra **đầu thú**, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại Trần Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Số tiền 5.600.000 đồng là tài sản của chị Trần Thị L, ngày 15/3/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho chị L; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 của Huỳnh Thị Ngọc H không liên quan đến vụ án, ngày 19/3/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho H. Xét thấy việc trả lại tài sản là đúng quy định₄

pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý lại; 1 chiếc điện thoại di động Samsung J2 H dùng tiền chiếm đoạt được mua hiện nay H đã tiêu xài hết và vứt bỏ sau khi sử dụng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng số tiền 28.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel N505, 01 chiếc điện thoại di động hiệu ZTE Blade L5 màu đen hiện nay bị cáo chưa bồi thường cho gia đình bị hại nên xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Người bị hại chị Trần Thị L đã nhận lại số tiền 10.000.000đ không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N buộc bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 29.720.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H đồng ý bồi thường cho bị hại anh S và chị N. Việc thỏa thuận trách nhiệm bồi thường giữ bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do vậy, cần buộc bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 29.720.000 đồng cho bị hại cho anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N theo quy định tại Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với Trần Thị Thùy T được Huỳnh Thị Ngọc H nhờ giữ hộ số tiền 5.000.000 đồng nhưng T không bàn bạc cũng không biết đây là tiền do H phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H **phạm “Tội trộm cắp tài sản”**.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138, điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H 02 (hai) tù, thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 6 năm 2018.

[2] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn Văn S chị Nguyễn Thị N số tiền 29.720.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.486.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long

